

Bản án số: 40/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 12/11/2021
(V/v: tranh chấp Hôn nhân
và gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Thanh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Viết Côi và ông Nguyễn Hạ Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện UH, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện UH xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 209/2021/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2021/QĐHPT-HNGĐ ngày 27/10/2021, giữa các đương sự:

****/ Nguyên đơn:*** Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1969. Nguyên quán và nơi ĐKKHKT: thôn PY, xã VA, huyện UH, thành phố Hà Nội. (*Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt*)

****/ Bị đơn:*** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1972. Nguyên quán: xã ĐT, huyện MĐ, thành phố Hà Nội. Nơi ĐKKHKT: thôn PY, xã VA, huyện UH, thành phố Hà Nội. (*Vắng mặt, không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn, biên bản lấy lời khai, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án - anh Nguyễn Văn Q là nguyên đơn trình bày: anh và chị Nguyễn Thị N tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 1992, tuy nhiên vì thiếu hiểu biết nên anh chị không đi đăng ký kết hôn. Do đó, hiện nay vợ chồng anh không có Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được

tiếng nói chung dẫn đến đời sống chung không thể hòa hợp được. Anh chị đã sống ly thân khoảng 17 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện UH giải quyết không công nhận anh chị là vợ chồng.

Về con chung: anh và chị N có 02 con chung: Nguyễn Thị P – sinh ngày 28/02/1994 và Nguyễn Thị N – sinh ngày 26/11/1996. Hiện nay, cả hai cháu đều đã khôn lớn, trưởng thành, khỏe mạnh và có công việc riêng, anh không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải giữa hai vợ chồng anh.

Bị đơn – chị Nguyễn Thị N không có ý kiến trình bày gì.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: chị N vắng mặt không có lý do; anh Q vắng mặt, có đơn xin vắng mặt và trình bày ý kiến vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại Tòa, anh Q không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định nhưng không tiến hành hòa giải được do chị N vắng mặt không có lý do. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết không công nhận anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị N là vợ chồng; anh Q phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đọc thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn Q đã làm đơn ly hôn theo mẫu và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, Tòa án nhân dân huyện UH tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự nhưng tại phiên tòa lần đầu được diễn ra vào ngày 27/10/2021 vì chị N vắng mặt nên HĐXX đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày hôm nay được mở ra lần thứ hai, chị N vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, anh Q có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị N tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến đời sống chung không

thể hòa hợp được. Anh chị đã sống ly thân khoảng 17 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Đến nay, anh Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên đề nghị Tòa không công nhận anh và chị N là vợ chồng. Về phía chị N, Tòa án đã tiến hành triệu tập lên Tòa án làm việc nhưng chị N không đến.

Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương xã VA, huyện UH và xã ĐT, huyện MĐ xác định: cả hai xã VA và ĐT đều không lưu giữ thông tin đăng ký kết hôn của anh Q và chị N, nhưng theo thông tin từ quần chúng nhân dân thì anh Q và chị N có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán khoảng năm 1992. Sau khi kết hôn, anh Q và chị N cùng sinh sống tại thôn PY, xã VA. Hiện nay, chị N không sinh sống, không có đăng ký tạm trú hay thường trú ở xã ĐT. Anh Q và chị N đều có đăng ký thường trú tại xã VA. Tuy nhiên, khoảng 3,4 tháng nay chị N không thường xuyên sinh sống ở địa phương, chính quyền địa phương không biết chị N đi đâu, làm gì hay thời điểm trở về của chị N là khi nào.

Xét thấy, anh Q và chị N có tổ chức cưới hỏi theo phong tục nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và tại mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình thì pháp luật không công nhận anh Q và chị N là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Q và chị N đều xác nhận trong thời gian chung sống có 02 con chung là Nguyễn Thị P – sinh ngày 28/02/1994 và Nguyễn Thị N – sinh ngày 26/11/1996. Anh Q trình bày, hiện nay cả hai cháu đều đã khôn lớn, trưởng thành, khỏe mạnh và có công việc riêng nên anh Q không có yêu cầu gì. Do đó, HĐXX không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ chung: anh Q không yêu cầu, đề nghị Tòa giải quyết. Vì vậy, giành quyền khởi kiện cho anh Q, chị N nếu có tranh chấp về tài sản, công nợ, công sức trong thời kỳ chung sống với nhau bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Anh Q phải nộp toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 53, Điều 15, 16, 81, 82, 83, 84 và 85 Luật hôn nhân và gia đình; mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị N.

2. Về tài sản chung, công nợ chung: anh Q không yêu cầu đề nghị Toà giải quyết. Dành quyền khởi kiện cho anh Q, chị N nếu có tranh chấp về tài sản, công nợ, công sức trong thời kỳ chung sống với nhau bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0057110 ngày 16 tháng 7 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện UH, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt đều có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt đều có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện UH;
- Chi cục THADS UH;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Tô Thanh Phong